

ĐÁP ÁN MÔN PHÁP LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Câu 1 (6 điểm): Những khẳng định sau đúng hay sai? Tại sao?

1. **SAI.** Căn cứ vào điều 11, 12 Công ước Viên năm 1969 về Luật Điều ước quốc tế (Công ước Viên 1969), bên cạnh ý nghĩa xác nhận văn bản điều ước, trong một số trường hợp, hành vi ký thể hiện sự ràng buộc của quốc gia với điều ước quốc tế. Vì vậy, khẳng định hành vi ký *chỉ* có ý nghĩa xác nhận văn bản điều ước là không chính xác. (1 điểm)
2. **SAI.** Căn cứ các điều 35-38 Công ước Viên 1969, trong một số trường hợp điều ước quốc tế có hiệu lực với quốc gia thứ ba (không là thành viên của điều ước quốc tế). (1 điểm)
3. **SAI.** Căn cứ điều 19 Công ước Viên 1969, các quốc gia có thể thực hiện bảo lưu khi ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập đối với điều ước quốc tế không có quy định cấm bảo lưu. (1 điểm)
4. **SAI.** Căn cứ khoản 3, điều 6 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Việt Nam tự quyết định phương thức thực hiện điều ước quốc tế trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, có thể thực hiện trực tiếp “toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó (...) trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, chi tiết để thực hiện”; hoặc “sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế”. (1 điểm)
5. **SAI.** Căn cứ khoản 1, điều 2 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, “Điều ước quốc tế mà (...) Việt Nam ký kết hoặc gia nhập là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hoặc nhiều quốc gia, *tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế*”. Vì vậy, khẳng định tất cả điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết là thỏa thuận bằng văn bản giữa Việt Nam với các quốc gia khác là không chính xác (Việt Nam đồng thời ký kết điều ước với các chủ thể khác của luật quốc tế, ví dụ Tổ chức quốc tế liên chính phủ). (1 điểm)
6. **SAI.** Căn cứ khoản 1 (b) điều 2 Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế năm 2007, các chủ thể không có thẩm quyền ký kết thỏa thuận quốc tế về tương trợ tư pháp. (sinh viên cũng có thể căn cứ vào khoản 2 (c) điều 7 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 để trả lời) (1 điểm)

ĐẠI HỌC LUẬT
KHOA
PHÁP LUẬT

Câu 2 (4 điểm): Theo quy định của Công ước Viên 1969,

Câu hỏi a/:

- *Biên bản vòng đàm phán cuối cùng năm 2013 là điều ước quốc tế* vì thỏa mãn các đặc điểm của điều ước quốc tế:

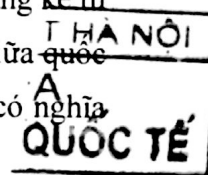
- + Về chủ thể: ký kết giữa các quốc gia.
- + Về hình thức: theo quy định tại khoản 1a điều 2 Công ước Viên 1969, điều ước quốc tế là thỏa thuận bằng văn bản, không phụ thuộc vào tên gọi của văn bản đó là gì.
- + Về nội dung: Biên bản ghi nhận cam kết tạo ra quyền và nghĩa vụ của các quốc gia. **(1 điểm)**

- *Quốc gia A không có quyền viện dẫn luật trong nước để từ chối thực hiện Biên bản vòng đàm phán cuối cùng năm 2013* vì đây là điều ước quốc tế nên quốc gia A có nghĩa vụ tận tâm, thiện chí thực hiện điều ước quốc tế và không được viện dẫn pháp luật trong nước để từ chối thực hiện điều ước đó (điều 26, 27 Công ước Viên 1969). **(1 điểm)**

Câu hỏi b/:

- Đối với mối quan hệ giữa quốc gia B và các quốc gia chấp thuận bảo lưu, hiệu lực pháp lý của điều khoản bị bảo lưu thay đổi trong phạm vi bảo lưu (điều 21 khoản 1 CƯ Viên 1969 về Luật ĐUQT). Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa quốc gia B và quốc gia chấp thuận bảo lưu, sẽ giải quyết theo nội dung bảo lưu của quốc gia B, có nghĩa bằng con đường trọng tài quốc tế. **(1 điểm)**

- Đối với mối quan hệ giữa quốc gia B với các quốc gia giữ thái độ im lặng, theo quy định tại khoản 5, điều 20 Công ước Viên 1969, bảo lưu coi như được một quốc gia thành viên điều ước chấp thuận nếu quốc gia này không phản đối bảo lưu trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm nhận được thông báo về bảo lưu đó. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa quốc gia B và những quốc gia trên, sẽ giải quyết theo nội dung bảo lưu của quốc gia B, có nghĩa bằng con đường trọng tài quốc tế. **(1 điểm)**



**T/M BỘ MÔN
TRƯỞNG BỘ MÔN**

TS. Nguyễn Toàn Thắng